

Ngày: 02- 4- 2019

Về việc: “Di dời tài sản trả lại QSDĐ và không gian”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà NGUYỄN THU THỦY

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông NGUYỄN VĂN CƯỜNG
2. Bà VÕ THỊ MỸ NGỌC

- *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L ghi biên bản phiên tòa:* Bà ĐOÀN
THỊ KIM YẾN

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L tham gia phiên toà: Bà PHẠM THỦY TIỀN - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 02/2017/TL.[STDS](#), ngày 06 tháng 01 năm 2017, về việc “đi đòi tài sản trả lại quyền sử dụng đất và không gian”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:154/2019/QĐXX-STDS ngày 07 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1942; có địa chỉ tại số 107 đường Hoàng Hoa T, phường 2 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L; Nơi sinh sống tại số 40/11/16 Phạm Thái Bường, phường 4 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

* Đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Ngọc K; có địa chỉ tại số 107 đường Hoàng Hoa T, phường 2 thành phố Vĩnh L, văn bản ủy quyền ngày 07/12/2016. (có mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1959; có địa chỉ số 105 Hoàng Hoa T, phường 2 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L; Nơi sinh sống số 14/29 hẻm Cây K, phường 2 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Ngọc S, Phạm Thị L, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Hoàng Nhật H (văn bản ủy quyền ngày 07/12/2016): Ông Nguyễn Ngọc

K; có địa chỉ tại số 107 đường Hoàng Hoa T, phường 2 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.
(có mặt)

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Ngô Văn H; có địa chỉ cư trú 105 Hoàng Hoa T, phường 2 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L; Nơi sinh sống số 14/29 hẻm Cây K, phường 2 thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 25/11/2016, bà Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Ngô Văn H phải di dời cây trồng để trả lại diện tích đất bị lấn chiếm 46.4m², không hỗ trợ chi phí di dời; Ngày 15/12/2016 bà L thay đổi nội dung đơn khởi kiện, rút yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn Ngô Văn H; Ngày 18/9/2018 bà L bổ sung đơn khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Tuyết M phải di dời cây dừa đã lấn chiếm không gian thửa đất của bà L.

Ông K khai, trước đây thửa đất 43 có tổng diện tích 161.8m² tại khóm 3 phường 2 thành phố Vĩnh L, do nhà nước quy hoạch làm đường Hoàng Hoa T nên vận động dân hiến đất. Bà L tự nguyện hiến cho nhà nước 75.47m² nên diện tích đất còn lại được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 23/6/2016 cho hộ gia đình bà L quyền sử dụng thửa đất số 43, số tờ bản đồ 21, diện tích 46.4m² đất nuôi trồng thủy sản tại khu đất khóm 3 phường 2 (nay thuộc khóm 5 phường 2 thành phố Vĩnh L). Do giáp với thửa đất số 69 số tờ số 21 diện tích 211m² đất vườn cấp cho bà M cá nhân quyền sử dụng nên bà M chiếm toàn bộ diện tích, sử dụng vào việc trồng cây bao gồm: chuối, trứng cá, gòn và riêng cây dừa có gốc cây trên đất của bà M và thân cây nghiêng lấn chiếm không gian đất của bà L. Do đó, bà L yêu cầu bà M di dời cây trồng trả lại đất và không gian bị lấn chiếm.

Bà Nguyễn Thị Tuyết M có đơn tường trình ngày 24/01/2018 và bản khai ngày 25/01/2018 phản bác rằng: Vào năm 2003, bà dì Ngô Kim T bán căn nhà thờ số 103 Hoàng Hoa T khóm 5 phường 2 thành phố Vĩnh L cùng đất hương hỏa nên nhờ bà L ký liên xanh để làm giấy quyền sử dụng đất, bà L kèo bà T cho nữa cái mương nên bà T mướn người nhổ cọc di dời qua nữa cái mương để cho bà L. Sau đó, bà L tiếp tục buộc bà T di dời cọc của bà L để chiếm đoạt một phần mương và đất trước căn nhà số 105. Khi bà T có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì yêu cầu bà L ký tên đồng ý cho bà T bán đất và nhà nhưng bà L không ký tên cho bà T, vì biết rõ nhà đất số 103 bà T đã cho vợ chồng bà M. Vì vậy, bà T gạt bà L ký tên để làm giấy quyền sử dụng đất cho bà L nên bà L nghe theo ký tên nhưng ký vào giấy bán đất và nhà; Đã lỡ hứa làm giấy quyền sử dụng đất cho bà L nên bà T phải tiếp tục nhờ bà L ký liên xanh cho bà L. Một lần nữa, bà T đành phải cho nữa cái mương hình cánh buồm bên trái của căn nhà số 105 của bà L để được bà L ký liên xanh. Như vậy, bà L đã chiếm đoạt đất của bà T ½ mương hình chữ nhật bên trái căn nhà số 105; chiếm đoạt đất của bà L một phần mương và đất ở trước mặt căn nhà số 105 và ½ mương hình cánh buồm bên trái

căn nhà số 105. Bà M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, vì không có lần chiếm sử dụng thửa đất của bà L. Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh L cấp quyền sử dụng đất thửa 43 cho hộ bà L sử dụng là không đúng, toàn bộ diện tích 46.4m² là đất của bà M. Tòa án đã thông báo nội dung công văn số:95/PTNMT ngày 29/9/2017 của Phòng tài nguyên và môi trường thành phố Vĩnh L, bà M tự đọc và xem nội dung công văn. Bà M thống nhất với số liệu, diện tích, vị trí đất đang tranh chấp đã được khảo sát đo đạc là đúng, không có khiếu nại gì về kết quả khảo sát đo đạc. Bà M yêu cầu căn cứ nội dung công văn số: 95/PTNMT ngày 29/9/2017 của Phòng tài nguyên và môi trường thành phố Vĩnh L làm cơ sở để giải quyết cho yêu cầu phản tố, do vị trí, số liệu diện tích các cạnh tứ cận, loại đất, hình thể đất đều trùng khớp toàn bộ với diện tích đất bà M tranh chấp nên không yêu cầu khảo sát đo đạc lại. Trong thời hạn 15 ngày, bà M sẽ hoàn tất hồ sơ thủ tục phản tố, yêu cầu hộ bà L phải trả lại 46.4m² đất nuôi trồng thủy sản. Nếu hết thời hạn không nộp đơn khởi kiện thì xem như từ bỏ yêu cầu phản tố.

Ông Ngô Văn H đã được Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng vào các ngày 05/10/2018 và ngày 25/10/2018 để tham gia các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 18/10/2018 và ngày 15/11/2018 nhưng vắng mặt không lý do. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt thông báo kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 29/11/2018 nhưng cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bà M và giữ nguyên lời khai tại các biên bản hòa giải, xuất trình nộp tài liệu chứng cứ. Giữ nguyên rút khởi kiện ông H với tư cách là bị đơn. Ông K khai, nguồn gốc đất là của cô ruột Nguyễn Thị B kê khai sổ bộ địa chính năm 1980 thửa 475, số tờ bản đồ 10, diện tích 2660m² và đưa vào tập đoàn, Sau đó tập đoàn giải thể, cha ruột Nguyễn Văn Chánh được sử dụng và kê khai sổ bộ địa chính năm 1991 số thửa 833, diện tích 297m². Đến năm 1994 nhà nước giải thửa mới là 43, số tờ bản đồ 21, diện tích 161.9m² ông Chánh tiếp tục đứng tên sổ bộ địa chính cho đến năm 1999 ông Chánh qua đời, con ruột là Nguyễn Thị Ngọc LL kế thừa và được xem xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào ngày 26/5/2014 bà L hiến đất diện tích 75.47m² cho nhà nước làm lộ giới giao thông. Số diện tích còn lại 46.4m² cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất ngày 23/6/2016 cho hộ bà L. Thửa đất 43 giáp với đất thửa 69 do bà L là mẹ ruột bà M đứng tên, thời điểm hiến đất đã tranh chấp với bà L, sau đó bà L sang tên quyền sử dụng đất thửa 69 cho bà M thì bà M đứng ra tranh chấp với bà L. Khi bà M trồng cây trên đất thửa 43 có phản đối, tranh chấp từ năm 2015 kéo dài đến khi kiện ra tòa. Qua kết quả khảo sát đo đạc thì diện tích thực tế là 43.9m², bà L thống nhất diện tích này và yêu cầu bà M phải di dời 03 cây chuối; 01 cây dừa 20 năm tuổi; 03 cây trứng cá 02 năm tuổi; 03 cây gòn có đường kính 10cm để trả lại diện tích đất thực tế bị lấn chiếm là 43.9m²; Yêu cầu ông H và bà M phải đốn 01 cây dừa nghiêng để trả lại quyền sử dụng không gian thửa đất 43.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà M và ông H vắng mặt không lý do. Tòa án đã tổng đạt cho bà M, ông H văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa sơ thẩm lần thứ nhất nhận ngày 02/3/2019 và lần thứ hai nhận ngày 15/3/2019 để tham gia phiên tòa sơ thẩm công khai lần thứ nhất vào ngày 07/3/2019 và lần thứ hai vào ngày 02/4/2019.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh L, phát biểu:** Từ khi thụ lý cho đến quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự thủ tục tố tụng khác trong quá trình thụ lý, xét xử sơ thẩm đều tuân theo pháp luật qui định. Về nội dung vụ án, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L. Buộc bà M phải di dời toàn bộ cây trồng trên thửa đất 43 để trả lại 43.9m² đất cho hộ bà L, đồng thời phải đốn cây dừa để trả lại không gian thửa đất 43 cho hộ bà L sử dụng; bà M phải chịu tiền án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp di dời tài sản trả lại quyền sử dụng đất và không gian, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận thành phố Vĩnh L. Căn cứ khoản 9 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L, tỉnh Vĩnh L.

- Thời hiệu khởi kiện: Căn cứ khoản 3 Điều 155 Bộ luật dân sự không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp đất.

- Ngày 24/01/2018 bà M có đơn tường trình ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Ngày 25/01/2018 bà M có lời khai yêu cầu phản tố và cam kết hoàn tất thủ tục hồ sơ yêu cầu phản tố trong hạn 15 ngày, hết thời hạn không thực hiện thì xem như từ bỏ việc khởi kiện. Đến nay, phía bà M không thực hiện quyền yêu cầu phản tố của bị đơn được quy định tại Điều 186 và Điều 202 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L không có căn cứ để thụ lý yêu cầu phản tố nêu trên.

- Tại phiên tòa, bà L giữ nguyên rút khởi kiện đối với bị đơn Ngô Văn H. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ giải quyết vụ kiện đối với bị đơn Ngô Văn H. Đồng thời, căn cứ Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự thay đổi địa vị tố tụng, ông H tham gia vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Bà M, ông H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt đối với bà M và ông H.

[2]. Về nội dung: Bà L và bà M đều đã thực hiện quyền lợi chung của người sử dụng đất theo quy định tại Điều 166 Luật đất đai là đã được Ủy ban nhân dân giao quyền sử dụng đất và Sở Tài nguyên tỉnh Vĩnh L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong quá trình sử dụng đất đai, các bên phải thực hiện nghĩa vụ là sử dụng đất đúng mục đích, đúng ranh giới thửa đất, đúng quy định về độ sâu trong lòng đất và chiều cao trên không...được quy định tại Điều 170 Luật đất đai năm 2014. Nhưng qua khảo sát đo đạc đất tranh chấp, tại phúc đáp số: 95/PTNMT ngày 29/9/2017 của Phòng

Tài nguyên và Môi trường thành phố Vĩnh L kết luận “Diện tích tranh chấp 48.9m², trong đó có 43.9m² thuộc thửa số 43 và có 5m² chiết thửa số 69”. Phía bà M có lời khai tại biên bản ngày 25/01/2018 thống nhất với số liệu, diện tích, vị trí đất đã khảo sát đo đạc và không có khiếu nại kết quả đo đạc này. Đồng thời, ý kiến của bà M tại biên bản định giá ngày 20/7/2017 và ý kiến ông H và bà M tại biên bản định giá ngày 17/01/2019 là thống nhất toàn bộ số lượng cây trồng đang tranh chấp là thuộc sở hữu của bà M và ông H. Như vậy, đủ căn cứ chứng minh bà M và ông H đã sử dụng diện tích đất 43.9m² thuộc quyền sử dụng của bà L để trồng cây là vi phạm Điều 170 Luật đất đai.

Đối với yêu cầu phản tố, bà M không thực hiện thủ tục yêu cầu phản tố theo quy định tại Điều 202, Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét thụ lý yêu cầu phản tố của bà M. Do đó, buộc bà M phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà L diện tích đất 43.9m² thuộc thửa 43 có vị trí được thể hiện tại bản trích đo bản đồ địa chính khu đất của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh L ngày 21/9/2017 cho bà L sử dụng là phù hợp với Điều 166 và Điều 175 Bộ luật dân sự.

- Đối với 03 cây trứng cá được 02 năm tuổi là cây tự mọc và không có thu nhập kinh tế từ cây trồng này, loại cây này không có giá trong bản giá quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh L. Do đó, không phải áp dụng giá bồi hoàn cho ông H và bà M mà thiết nghĩ giao cùng số cây còn lại trong thửa 43 bao gồm 03 cây chuối, 03 cây gòn có đường kính 10cm, 01 cây dừa 20 năm tuổi đã được định giá giao cho hộ bà L sở hữu sử dụng và hộ bà L có nghĩa vụ hoàn lại giá trị cây trồng cho bà M và ông H số tiền 560.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).

- Đối với cây dừa trên 20 năm tuổi lấn chiếm không gian, tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 26/7/2018 thì gốc cây dừa tại vị trí sát cận ranh đất thửa 69 giáp với thửa đất 43 của bà L, còn toàn bộ thân cây dừa nghiêng đổ ngang trọn thửa đất 43 (BL 02 hình ảnh) làm hạn chế quyền sử dụng không gian và có khả năng cao xảy ra tính nguy hiểm cao độ nên buộc bà M và ông H có nghĩa vụ đốn bỏ 01 cây dừa nêu trên.

[3]. Về án phí sơ thẩm, thẩm định tại chỗ và định giá: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận. Do đó, phía bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự, chi phí tiền khảo sát đo đạc đất, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; khoản 1 của Điều 157, Điều 165, Điều 155, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bà M phải chịu toàn bộ tiền án phí sơ thẩm dân sự không có giá ngạch là 300.000 đồng đồng (Ba trăm ngàn đồng); Ông Ngô Văn H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự.

- Bà L không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự, hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), theo biên lai số N⁰ 0002218, ngày 26/12/2016 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L, cho bà Nguyễn Thị Ngọc LL.

- Bà L đã nộp tiền tạm ứng đo đạc, thẩm định và định giá theo các phiếu thu ngày 17/5/2017 số tiền 3.000.000 đồng; phiếu thu ngày 10/12/2018 số tiền 500.000 đồng; phiếu thu ngày 08/5/2018 số tiền 1.000.000 đồng. Tổng cộng các khoản tạm ứng là 4.500.000 đồng. Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh L đã chi ngày 18/02/2019 bản vẽ đo đạc số tiền 782.000 đồng; Chi hội đồng đo đạc, định giá ngày 20/7/2017 số tiền 800.000 đồng; Ngày 26/7/2018 chi thẩm định tại chỗ số tiền 600.000 đồng; Ngày 17/01/2019 chi định giá bổ sung số tiền 500.000 đồng. Tổng cộng các khoản đã chi là 2.682.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng). Vì vậy, buộc bà M phải chịu toàn bộ tiền chi phí khảo sát đo đạc, thẩm định, định giá tổng cộng là 2.682.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc LL số tiền này.

- Đối với bà Nguyễn Thị Ngọc LL, Nguyễn Thị Ngọc S, Phạm Thị L, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Hoàng Nhật H và ông Nguyễn Ngọc K, ông Ngô Văn H không phải chịu tiền chi phí khảo sát đo đạc, thẩm định, định giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I. Căn cứ Điều 166 và Điều 175 Bộ luật dân sự; Điều 166 và Điều 170 Luật đất đai của Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc LL.

- Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện bị đơn Ngô Văn H. Thay đổi địa vị tố tụng ông Ngô Văn H tham gia vụ kiện với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Ngô Văn H phải đốn bỏ 01 cây dừa trên 20 năm tuổi, có vị trí tại hướng Bắc có gốc dừa sát cận ranh đất thửa 69 giáp với thửa đất 43, toàn bộ thân cây dừa nghiêng đổ ngang trọn thửa đất 43 về hướng Tây (giáp đường nhựa) để trả lại không gian thửa đất 43, số tờ bản đồ 21 tại khu đất khóm 3 (nay là khóm 5) phường 2 thành phố Vĩnh L cho hộ bà Nguyễn Thị Ngọc LL được sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh L cấp ngày 23/6/2016.

- Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M phải giao trả lại 43.9m² đất nuôi trồng thủy sản thuộc thửa 43, số tờ bản đồ 21 tại khu đất khóm 3 (nay là khóm 5) phường 2 thành phố Vĩnh L cho hộ Nguyễn Thị Ngọc LL được sử dụng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh L cấp ngày 23/6/2016. Vị trí diện tích đất 43.9m² được mô tả tại bản Trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 21/9/2017 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố Vĩnh L (kèm theo sơ đồ).

Giao cho hộ Nguyễn Thị Ngọc LL được sở hữu, sử dụng các cây trồng bao gồm: 03 (ba) cây chuối; 03 (ba) cây trứng cá 02 năm tuổi; 03 (ba) cây gòn có đường kính 10cm; 01 cây dừa 20 năm tuổi. Hộ Nguyễn Thị Ngọc LL có nghĩa vụ hoàn lại giá trị

cây trồng cho bà Nguyễn Thị Tuyết M và ông Ngô Văn H là 560.000 đồng (Năm trăm sáu mươi ngàn đồng).

II. Án phí sơ thẩm, thẩm định tại chỗ và định giá: Căn cứ Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 , ngày 30/12/2016 và Điều 157, Điều 165, Điều 155, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu tiền chi phí khảo sát đo đạc, thẩm định, định giá do là 2.682.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng). Buộc bà Nguyễn Thị Tuyết M có nghĩa vụ hoàn lại số tiền 2.682.000 đồng (Hai triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn đồng) cho bà Nguyễn Thị Ngọc LL.

- Bà Nguyễn Thị Ngọc LL, Nguyễn Thị Ngọc S, Phạm Thị L, Nguyễn Hoàng V, Nguyễn Hoàng Nhật H và ông Nguyễn Ngọc K, ông Ngô Văn H không phải chịu tiền án phí sơ thẩm dân sự và chi phí khảo sát đo đạc, thẩm định, định giá.

Hoàn trả toàn bộ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), theo biên lai số N⁰ 0002218, ngày 26/12/2016 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh L, cho bà Nguyễn Thị Ngọc LL.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn và người liên quan. Báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, đối với đương sự có mặt được tính từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì được tính từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết./.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TA.Tỉnh
- VKS cùng cấp
- THA
- Đương sự
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thu Thủy